TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 7 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Hoài Nam;

Bà Hoàng Thị Trang.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai (Viện kiểm sát số hóa) vụ án thụ lý số 24/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04/4/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/6/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/6/2023.

- Nguyên đơn: **Chị Hoàng Thị N**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn**: Anh Triệu Văn T**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn T quen biết nhau, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân - ở với nhau từ năm 2015, đến ngày 08/5/2018 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S L, huyện Na Hang.

Sau khi kết hôn anh chị về chung sống cùng gia đình anh T. Quá trình chung sống vợ chồng chị hạnh phúc được 04 năm. Từ tháng 5/2019 xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T đánh chị. Từ tháng 6/2020 chị và anh T đã sống ly thân.

Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Triệu Kim T, sinh ngày 01/4/2016 và cháu Triệu Minh N, sinh ngày 01/4/2018.

Hiện tại cháu T đang ở cùng chị, cháu N đang ở cùng anh T. Ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu T, để anh T nuôi cháu N. Không ai phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị không có.

Về nợ chung: Anh chị không có.

Về án phí: Chị xin miễn án phí.

Tại biên bản lấy lời khai anh Triệu Văn T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị N tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S L. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống cùng bố mẹ anh. Đến năm 2020 vợ chồng anh cùng đi làm ăn xa. Năm 2021 vợ anh có quan hệ ngoại tình rồi không về ở với anh. Từ năm 2021 vợ chồng anh sống ly thân. Chị N xin ly hôn anh nhất trí.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Triệu Kim T, sinh ngày 01/4//2016 và cháu Triệu Minh N, sinh ngày 01/4/2018. Ly hôn anh nhận nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị không có.

Về nợ chung: Anh chị không có.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn Phiêng Ngàm - Ông Hoàng Văn Mạnh cho biết: Anh Triệu Văn T và chị Hoàng Thị N kết hôn với nhau từ năm 2018. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do anh T thường xuyên uống rượu, không chịu lao động. Chị N đã về nhà mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Anh T, chị N có 02 con chung, cháu lớn là Triệu Kim T hiện nay ở với chị N và cháu bé là Triệu Minh N đang ở cùng anh T và ông bà nội.

Tòa án tiến hành xác minh với bà Hoàng Thị Ghến – là mẹ chị N. Bà Ghến cho biết: Chị N, anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn. Chị N, anh T sống với nhau 3, 4 năm không xảy ra mâu thuẫn nhưng cách đây khoảng 3, 4 năm anh T thường xuyên uống rượu say đánh vợ, con. Chị N đã đưa con lớn về ở với bà. Bà nhất trí cho chị N và cháu ở cùng bà khi anh T, chị N ly hôn.

Tòa án lấy lời khai cháu Triệu Kim T, cháu T khai: Cháu là con của bố Triệu Văn T và mẹ Hoàng Thị N. Cháu biết bố cháu hay uống rượu say. Mẹ cháu đã đưa cháu về ở nhà bà ngoại. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Tuyên xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Triệu Văn T.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung là cháu Triệu Kim T, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Triệu Minh N, sinh ngày 01/4/2018 cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Chị N, anh T xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị N là người dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị N có đơn xin miễn án phí, nên chị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

Chị Hoàng Thị N đã nộp các tài liệu: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy xác nhận thông tin về cư trú; Giấy xác nhận nhân sự; Bản sao chứng minh thư nhân dân; Bản sao giấy khai sinh của các con.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn Phiêng Ngàm và bà Hoàng Thị Ghến (Mẹ chị N); Lấy lời khai cháu Triệu Kim T.

Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T thống nhất được với nhau về việc ly hôn nhưng anh T không đến Tòa án để hòa giải; không thống nhất với nhau về nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Triệu Văn T cư trú tại thôn Ph Ng, xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị Hoàng Thị N khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh T không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày, giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T vắng mặt nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Toà án tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Chị N có đơn xin xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 207, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S L, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của các đương sự; kết qủa xác minh với Trưởng thôn; xác minh với mẹ chị N; lời khai cháu T, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T đã trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Triệu Văn T.

[4] Quá trình chung sống chị N và anh T có 02 con chung là cháu Triệu Kim T, sinh ngày 01/4/2016 và cháu Triệu Minh N, sinh ngày 01/4/2018. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T; anh T đề nghị được nuôi cả 02 cháu. Không ai đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung.

Qua xác minh tại địa phương hiện nay cháu T đang ở cùng mẹ và ông bà ngoại. Cháu N đang ở cùng bố và ông bà nội. Cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Triệu Kim T cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Triệu Minh N cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; hai bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[5] Chị Hoàng Thị N , anh Triệu Văn T trình bày vợ chồng anh chị không có tài sản chung và vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6] Chị Hoàng Thị N là người dân tộc thiểu số, thường xuyên sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Chị N có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ án phí cho chị Hoàng Thị N.

[7] Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 207, 228, 235, 238, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Triệu Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Kim T, sinh ngày 01/4/2016 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Triệu Minh N, sinh ngày 01/4/2018 cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N và anh Triệu Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:
- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang
- UBND xã S L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành